

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2025
Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

Bà Lê Thị Linh Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Khúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị R, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp R, xã V, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt tại phiên tòa – vắng mặt tại phiên tòa (có đơn)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp R, xã V, tỉnh Tây Ninh – có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 7 năm 2025, bà R xin được ly hôn với ông P; yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Thảo A (giới tính: nữ), sinh ngày 06/4/2008, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung; đối với con chung tên Nguyễn Thị Thanh T (giới tính: nữ), sinh ngày 17/5/2000 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không có yêu cầu; tài sản chung không có yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có. Nội dung tranh chấp được bà trình bày như sau: Sau một thời gian quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình bà và ông P có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An (cũ) ngày 10/7/2001. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống tại ấp R, thị

trần V, huyện V, tỉnh Long An, nay là xã V, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông P có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên đánh đập bà. Mâu thuẫn không thể hòa giải hàn gắn để tiếp tục sống chung, tình cảm không còn, không có hạnh phúc nên bà xin được ly hôn với ông P. Vợ chồng bà có 02 con chung gồm: con chung Nguyễn Thị Thanh T đã có gia đình riêng, Nguyễn Thanh Thảo A hiện đang sống cùng bà. Do ông P có hành động đe dọa, uy hiếp nên bà xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

- Bị đơn ông P trình bày: Ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương bà R, ông mong muốn vợ chồng cùng đoàn tụ để chăm sóc cho nhau và chăm lo cho các con. Về điều kiện kết hôn và con chung thì ông thống nhất như bà R trình bày trong đơn. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà R trình bày thì ông thừa nhận đôi lúc nóng tính có đánh bà R, đánh con nhập viện nhưng nay ông cam kết sẽ không vi phạm. Từ khi bà R nộp đơn ly hôn đến nay, ông nhiều lần liên lạc với bà R để xin được đoàn tụ nhưng không gặp được bà R. Đối với con chung Thảo A muốn sống với ông hay bà R thì ông đều đồng ý, không tranh chấp tài sản chung, còn nợ chung thì không có.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng.

Nội dung vụ án: Bà R và ông P có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình; Quá trình giải quyết vụ án, ông P muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đưa ra được giải pháp, bà R cũng từ chối hòa giải nên hôn nhân của bà R và ông P đã lâm vào trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Con chung Nguyễn Thanh Thảo A trên 07 tuổi đang sống cùng bà R và có nguyện vọng được sống cùng bà R, biên bản xác minh thể hiện bà R có đủ điều kiện để nuôi dạy con. Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà R: bà R được ly hôn với ông P; giao con chung Nguyễn Thanh Thảo A (giới tính: nữ), sinh ngày 06/4/2008 cho bà R nuôi dưỡng chăm sóc; bà R không yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà R yêu cầu ly hôn với ông P, ông P có nơi cư trú tại xã V, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi bổ sung theo Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội), Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bà R có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà R là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà R và ông P được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An (cũ) ngày 10/7/2001 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình; bà R xác định đã không còn tình cảm với ông P, vợ chồng đã mâu thuẫn từ nhiều năm, ông P không chung thủy và có hành vi bạo lực với bà, vì vậy bà không còn tình cảm với ông P, không thể hàn gắn, bà yêu cầu được ly hôn; Do bà R từ chối hòa giải nên từ khi nộp đơn ly hôn đến nay ông P và bà R không thể giải quyết được mâu thuẫn, ông P cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hôn nhân phải được hình thành trên cơ sở tự nguyện, ông P khẳng định còn tình cảm với bà R đây chỉ là ý chí cá nhân của ông P, còn bà R luôn từ chối hòa giải nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến xin đoàn tụ của ông P. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà R và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà R là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 17/5/2000 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét; Con chung Nguyễn Thanh Thảo A (giới tính: nữ), sinh ngày 06/4/2008 đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bà R. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 11/8/2025 của người thân thích trong gia đình thì bà R có việc làm, có thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho con chung phát triển về mọi mặt. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Thảo A, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà R về việc được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Bà R không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà R và ông P đều xác định không tranh chấp về tài sản, về nợ chung thì không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà R.

[6] Về án phí: Do bà R không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà R phải chịu án phí hôn nhân gia đình không giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi bổ sung theo Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội);

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị R về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Thanh P.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh Thảo A (giới tính: nữ), sinh ngày 06/4/2008 cho bà Võ Thị R trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Võ Thị R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích của con chung hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Võ Thị R phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị R đã nộp theo biên lai số 0001374 ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị R vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 9 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Bình Hiệp, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu

